PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Tịnh Không Pháp Sư chủ giảng
Tại Cư Sĩ Lâm Singapore
Tháng 11 năm 1994
Chuyển ngữ: Cư sĩ Thanh Trí
Biên soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo
Biên tập: Cư sĩ Thiện Đức

TẬP 1

Kính thưa chư vị Pháp sư, chư vị đồng tu!

Hôm nay, chúng tôi cảm thấy vô cùng vinh hạnh, vui mừng vô hạn, được ở tại Cư Sĩ Lâm Singapore này cùng học tập đại kinh của Tịnh Tông với quý đồng tu. Trước đây, đã từng giảng bộ kinh này một lần ở Đoàn Hoằng Pháp, cũng giảng ba mươi lần mới xong. Khi đó những bộ băng ghi âm đã nhanh chóng phổ biến đến rất nhiều khu vực quốc gia. Đây là Singapore chúng ta đã kết pháp duyên thù thắng cùng với toàn thế giới.

Lần này cư sĩ Lý Mộc Nguyên của quý Lâm mời tôi giảng lại bộ đại kinh này một lần nữa. Mục đích là gì? Vì lần trước chỉ lưu lại băng ghi âm, hy vọng lần này có thể lưu lại một bộ băng ghi hình. Tôi nói: "Tốt lắm! Chúng tôi sẽ làm tròn ước nguyện này".

Đương nhiên, những năm gần đây cảnh giới niệm Phật tu trì của chúng ta có khác với quá khứ. Nói cách khác, chúng ta đọc tụng bộ kinh lớn này, lại có thể áp dụng vào cuộc sống thực tế của mình, như vậy thì chúng ta mới có thể đạt được lợi ích thù thắng, chân thật của kinh điển.

Hôm nay là ngày đầu khai kinh. Tôi nghĩ chúng ta có thể lược bỏ phần nhân duyên, vì trước kia đã giảng qua nhiều lần rồi. [Theo] tâm lý của người thời nay thì việc học Phật cũng không ngoại lệ, cần tùy thuận xu hướng của cả thời đại. Chúng ta thường cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng. Trong Phật pháp, tu học chứng quả phải đạt được ba nhu cầu căn bản này. Bộ kinh này, pháp môn này có thể nói là vô cùng thích hợp. Thực tế mà nói, thế xuất thế gian đệ nhất thù thắng nhất định phải rất đơn giản, rất dễ dàng. Giống như bộ sách học thuật đại căn đại bổn của Trung Quốc là Kinh Dịch. "Dịch" tức là dễ dàng đơn giản.

Phật pháp là nền giáo học thù thắng nhất của thế gian và xuất thế gian. Nó đương nhiên phải phù hợp với nguyên tắc này. Đức Thế Tôn khi còn tại thế đã giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng chúng ta biết tổng kết lại không ngoài **tam học Giới Định Huệ**. Cho thấy đích thực là đơn giản, là dễ dàng. Tất cả kinh cũng chỉ là nói tường tận tam học Giới Định Huệ cho chúng ta mà thôi. Khi triển khai rộng ra tức là tất cả Kinh. Trong bổn Tông, chỗ nói đến cũng rất đơn giản, thiết yếu.

Ngẫu Ích Đại Sư tổng hợp các kinh điển của Tịnh Tông. Trong Di-đà Yếu Giải có chỉ rõ cho chúng ta: Tín Nguyện Hạnh. [Điều này] có trái ngược với tổng cương lĩnh của Thế Tôn không? Đây là điều mà chúng ta cần phải biết. "Tín" chúng ta phải tin Giới Định Huệ, "Nguyện" cũng là Giới Định Huệ, "Hạnh" cũng không rời Giới Định Huệ. Quý vị hãy tỉ mỉ mà lĩnh hội ý nghĩa này thì chúng ta mới có thể nắm được cương lĩnh giáo dục cả đời của Thế Tôn. Chúng ta tu học vừa đơn giản lại dễ dàng, hơn nữa cũng giống như lời của chư Cổ Đại Đức nói là: "vững vàng, nhanh chóng", khiến chúng ta thật sự đã đạt được sự cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng. Phần kinh văn trong bộ kinh này nói cho chúng ta ba thứ chân thật, đây là điều chúng ta cần phải chú ý đến:

- ✓ **Thứ nhất là: "Khai Hóa, Hiển Thị Chân Thật Chi Tế",** câu này rất quan trọng. "Khai" là khai thị, Thế Tôn dẫn đường cho chúng ta, cũng tức là chỉ dạy cho chúng ta. "Hóa" là thành tích của giáo học. Chúng ta nhận sự chỉ dạy của Thế Tôn, quả thật đã khởi lên sự thay đổi. Sự giáo học của thế gian yêu cầu phải thay đổi khí chất. Còn sự giáo học của Phật pháp yêu cầu chúng ta "chuyển phàm thành Thánh", cái "chuyển" này tức là chuyển biến. Chúng ta hôm nay là phàm phu, sau khi chúng ta nghe Phật chỉ dạy xong thì liền có thể chuyển phàm phu thành Thánh nhân. "Thánh nhân" chúng ta thường gọi là Phật, Bồ-tát, cũng tức là nói người học Phật nếu không phát tâm làm Phật thì có thể nói sự học Phật của bạn xem như uổng công. Học Phật là phải thành Phật, cùng với Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Di-đà Như Lai, tất cả chư Phật Như Lai không hai không khác. Đây là mục đích học Phật của chúng ta.

  Thiền Tông Trung Quốc thường nói: "*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*". Điều này đã nói rõ mục đích của việc tu học là phải minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Trong kinh này nói "**khai hóa, hiển thị chân thật chi tế**". "Chân thật chi tế" tức là "chân như bản tánh". Câu nói này cùng với câu "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" của Thiền Tông không

có sai khác, chỉ là phương pháp không giống nhau. Thiền Tông dùng phương pháp tham cứu, Tịnh Tông dùng phương pháp niệm Phật. Niệm Phật so với tham cứu dễ dàng hơn rất nhiều. Phương pháp dễ dàng, đơn giản. Thực tế mà nói, chỗ thành tựu không hề khác nhau. Thậm chí, chư Cổ Đức nói: "Sự thành tựu của niệm Phật siêu việt hơn Thiền Tông". Câu nói này cũng không phải là vô lý, khi chúng ta thảo luận đến phần kinh văn quý vị tự nhiên sẽ hiểu rõ.

- ✓ **Thứ Hai là: "Trụ Chân Thật Huệ"** cũng tức là bảo chúng ta tin tưởng Giới Định Huệ. Chúng ta nguyện tu học Giới Định Huệ. Đây chính là "Trụ Chân Thật Huệ". Chữ "Trụ" này là an trụ, trong tâm chúng ta an trụ, chỉ có an trụ nơi trí huệ chân thật thì mới tin sâu không nghi, mới khát khao truy cầu Giới Định Huệ tam học. Đây chính là thành tựu và lợi ích thù thắng mà chúng ta đạt được từ sự tu học của chính mình. Như vậy, chúng ta đối với người khác cũng phải chân thật không hư dối.
- ✓ **Thứ Ba là:** Trong kinh văn nói với chúng ta "**huệ dữ chân thật chi lợi**", "huệ" là hiến tặng cho người khác, cho họ điều gì? Cho họ sự "lợi ích chân thật". "Lợi ích chân thật" chính là Phật Pháp Đại Thừa, không có gì chân thật hơn, không có gì thù thắng hơn Phật Pháp Đại Thừa của Tịnh Tông. Bổn kinh hội đủ ba thứ chân thật này.

Đây là một bộ đại kinh vô cùng hy hữu. Kinh văn không dài lắm, nhưng nội dung cũng bao hàm tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Bất luận là Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn Giáo Hạ đều nằm trong quyển kinh này. Cho nên đây là tổng cương lĩnh của Đại Tạng Giáo, muôn vàn lần xin chớ sơ suất! Chư Phật, Bồ-tát, chư Đại Đức xưa nay đều khác miệng đồng lời nói với chúng ta rằng pháp môn này đích thực là: "*Tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu*" (phổ khắp ba căn, phàm thánh đều thâu). Đây là nói sự lợi ích của nó thật không thể nghĩ bàn. Trên đến Đẳng Giác Bồ-tát, như trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Ngài Văn-thù, Phổ Hiền là hậu bổ Phật (Phật dự khuyết) của thế giới Hoa Tạng. Cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm hai vị Bồ-tát này đã thống lĩnh 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ của thế giới Hoa Tạng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là người thượng thượng căn vãng sanh. Người hạ hạ căn cũng có phần, thậm chí đến chúng sanh ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung gặp được thiện hữu chỉ dạy họ pháp môn này, họ vẫn có thể thành tựu, vẫn được vãng sanh. Do đây có thể biết sức độ chúng sanh rộng lớn của pháp môn này không có bất cứ một pháp môn nào có thể sánh bằng.

Chúng ta biết một số bộ kinh lớn rất rốt ráo. Cả về mặt lý và phương pháp đều rất viên mãn rốt ráo, tuy nhiên không tiện lợi. Người trung hạ căn không có phần, không cách nào tu được. Một số kinh luận cũng tiện lợi nhưng không rốt ráo, không rốt ráo thì không thể thành Phật, chỉ thành A-la-hán, thành Bồ-tát, đó không gọi là rốt ráo. Vừa tiện lợi lại vừa viên mãn rốt ráo thì chỉ có kinh này. Kinh này là pháp môn để thành Phật, hơn nữa vô cùng thuận tiện cho nên mỗi người chúng ta thảy đều có phần.

Có thể nói rằng, quý vị đồng tu hiện đang ngồi đây "thiện căn, phước đức đều không thể nghĩ bàn". Như trong kinh nói với chúng ta: "Nếu không phải do thiện căn phước đức đầy đủ, thì đối với pháp môn này rất khó chấp nhận, rất khó y giáo phụng hành". Giống như kinh Di-đà nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi kia). Do đây có thể biết, chúng ta gặp được pháp môn này, đích thực là từ vô lượng kiếp đến nay, thiện căn phước đức nhân duyên của chúng ta đến lúc này đã chín muồi thì chúng ta mới có thể gặp được. Pháp môn này nhất định không phải là pháp môn bình thường. Xưa kia chư cao Tăng Đại Đức từng nói: "Cho dù là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cũng chỉ là dẫn đường cho bộ kinh này". Nói cách khác, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Lời nói này đương nhiên không phải quá đáng, bởi vì Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc. Điều này có chứng cớ, không phải tùy tiện mà nói. Khi tôi đọc câu này, cảm xúc của tôi sâu hơn người khác. Vì sao thế? Bởi vì tôi khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh Độ đích thực là do kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm dẫn dắt tôi đến với pháp môn Tịnh Độ. Cho nên câu nói này của cổ nhân đã khiến tôi có cảm xúc một cách sâu sắc. Tôi từ chỗ này mà đi vào Tịnh Độ. Dường như lời đó của các ngài là nói với chính tôi vậy.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*". Đây chính là lợi ích và thành quả do chúng ta tu học đạt được. Còn phương pháp thì đặc biệt nói rất tinh yếu, đó là "*tịnh niệm tương kế*" (tịnh niệm tiếp nối), còn "*thu nhiếp lục căn*" thì chúng ta không cần nói nữa. Bởi vì "tịnh niệm" thì nhất định phải "thu nhiếp lục căn", không thể "thu nhiếp lục căn" thì bạn làm sao đến chỗ "tịnh niệm" được? Then chốt là ở chữ "tịnh", "tịnh" là thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh, nhất định không được xen tạp, không được hoài nghi. "Tương kế" tức là không gián đoạn. Từ đây có thể biết, yếu lĩnh tu hành của pháp môn này là **không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn**, nhất định

có thể thành công. Trong kinh nói với chúng ta: "*Tự đắc tâm khai*" (tâm tự được khai ngộ). "Tự đắc tâm khai" cùng câu "***Khai hóa hiển thị chân thật chi tế***" nói ở phía trước của bộ kinh này là một nghĩa. Cũng tức là nói tự nhiên sẽ đạt tới cảnh giới "minh tâm kiến tánh". Điều này chứng tỏ chúng ta có phần, không những chúng ta có phần mà sự thành tựu của chúng ta so với người thượng thượng căn từ xưa đến nay cũng không có bất cứ sự khác biệt nào.

Chúng ta hiểu những điều này rồi thì tự nhiên sẽ sanh tín tâm, tự nhiên cảm thấy may mắn vui mừng. Như lúc nãy tôi đã nói, chúng ta cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng, vậy thì căn cứ vào đạo lý gì? Nếu lý luận không rõ ràng, không chắc thật thì chúng ta rất khó xây dựng tín tâm. Điều này vô cùng quan trọng. Cho nên chư Cổ Đức trước khi giảng kinh văn nhất định phải đem những căn cứ lý luận trong bộ kinh đó của Phật nói ra, khiến chúng ta đối với nó sanh ra lòng tin chân thật. Tất cả những kinh điển Đại Thừa này đều y cứ vào thật tướng để nói. Thật tướng là gì? Là chân tướng sự thật. Vậy đương nhiên chúng ta yên tâm rồi. Tất cả chỗ nói đến đều là chân tướng sự thật, không phải là lý tưởng của Phật, không phải là sự suy đoán của Phật, mà chỗ nói đến hoàn toàn là chân tướng sự thật.

Phật nói với chúng ta: "*Nhất thiết vạn pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" (tất cả vạn pháp do tâm mà hiện, do thức mà biến). Đây là lời trong Kinh Hoa Nghiêm nói. "*Duy tâm sở hiện*", cho nên tất cả vạn pháp đều là như nhau, đây là "Bất Dị" (không khác). "*Duy thức sở biến*", một khi đã biến thì đương nhiên không phải một thứ, đây là "Bất Nhất" (không một). Cho nên rất nhiều kinh luận Đại Thừa nói với chúng ta "Bất Nhất, Bất Dị". Chúng ta đối với cách nói này rất khó lĩnh hội. Cho nên, chư Cổ Đức vì muốn nói rõ cho chúng ta nên bất đắc dĩ phải nêu ra tỉ dụ để nói. Tỉ dụ, quý vị nên hiểu rằng, chỉ có thể tỉ dụ một cách tương tự, không cách gì thật giống hoàn toàn, hy vọng chúng ta từ trong ví dụ mà để tâm lãnh hội.

Ví dụ lấy vàng làm đồ vật thì món nào cũng là vàng, dùng tỉ dụ này để chúng ta thể hội. **Vàng là thể**, chúng ta dùng vàng, hiện nay thường dùng nhất là làm dây chuyền vàng, vòng vàng, hoa tai vàng, cho đến tất cả đồ dùng. Tuy nhiên, chất vàng đều giống nhau, không có khác, đều dùng vàng để làm. **Vàng là thể** không khác nhau, đều là một thứ kim khí, nhưng nhìn từ trên món đồ thì là dây chuyền và vòng đeo tay không giống nhau. Vòng và bông tai cũng không giống nhau, tướng khác nhau, công dụng cũng khác nhau. Đây là chúng ta nói đến "**thể tướng dụng**". "Thể" của tất cả vạn pháp đều giống nhau nhưng "tướng" thì khác

nhau, cho nên tác dụng mới khác nhau. Do đó "tướng" và "dụng" khác nhau. Chúng ta trước tiên phải nhận thức rõ ràng về điều này.

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, ba chữ "Đại Phương Quảng" này chính là hình dung thể tướng dụng của vạn pháp trong vũ trụ. "Đại" là tán thán về **thể, "**Phương**"** là nói về **tướng**. "Quảng" là nói đến tác **dụng**, tác dụng là vô lượng, vô biên. Vậy thì trước tiên chúng ta phải nắm lấy cương lĩnh.

Còn Giới, Định, Huệ thì từ đâu đến? Đều từ trong chân tướng của sự thật mà nói ra. Trong kinh điển Phật thường nói: "Tinh Nhất, Trung Hòa", đây đều nói về cương lĩnh tu hành. "Tinh Nhất" tức là **định**, "Trung Hòa" tức là **giới**, đặc biệt là Phật Pháp Đại Thừa chủ trương trung đạo. Nhà Nho Trung Quốc cũng phi thường lắm. Nhà Nho nói đến "trung hòa", đều biết dùng "trung", đây là trí huệ chân thật. Như vậy mới có thể đạt đến "tri kiến của Phật". Như Kinh Pháp Hoa nói "*khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*", "tri kiến" của Phật tức là Huệ. Cho nên Giới Định Huệ là từ chỗ này mà có.

Do đây có thể biết, "Giới, Định, Huệ" không phải do Phật phát minh mà từ trong chân tướng của sự thật hiển thị ra. Nói theo người hiện nay thì đây là chân lý, nhất định không thể trái ngược được. Trong Phật pháp chúng ta gọi là "tánh đức" là trong "chân như bản tánh" của bạn, là đức năng trong chân tâm lý thể của bạn, là đức năng vốn có, không phải từ bên ngoài đến. "Tùy thuận pháp tánh" tức là tùy thuận "Giới Định Huệ". Tác dụng của Giới Định có thể giúp chúng ta chứng đắc Đại Bồ-đề, Đại Niết-bàn. Đây là quả vị tu hành cứu cánh viên mãn của Phật pháp. Trong kinh này tức là "***Nhất Tâm Bất Loạn, Định Huệ Đẳng Trì***".

Vì thế chúng ta mới thật sự hiểu rõ các pháp cần phải dung thông, nhất định dung thông. Muốn đạt tới cảnh giới này, đối với cá nhân chúng ta mà nói thì các pháp chính là các tế bào, cơ quan trong cơ thể của chúng ta đều dung thông, không có chướng ngại thì thân thể của chúng ta khỏe mạnh, trăm thứ bệnh không sanh, khỏe mạnh, trường thọ, vui vẻ. Bạn đều có thể đạt được điều này trong Phật pháp. Trong gia đình, mỗi phần tử chúng ta như cha con, anh em, chị em đều dung thông thì gia đình hòa mục, hạnh phúc. Mọi người trong xã hội nếu có thể đạt đến chỗ dung thông thì xã hội hài hòa, phồn vinh, thậm chí lại mở rộng thêm thì thế giới hòa bình. Đây là Phật pháp. Phật pháp ngày nay cần phải thực hiện trên cơ sở của sự lợi ích chân thật thì chúng ta mới cảm thấy Phật pháp thật sự là điều chúng ta cần. Hơn nữa, nó là nhu cầu bức thiết nhất của chúng ta trong thời đại này.

Tuy nhiên, có lẽ có một vài đồng tu nói, tôi cũng thường nghe nói: "Người học Phật này bất hòa, không giống như những điều chúng ta nói, không giống như lời Phật nói trong kinh". Phật nói không sai, vì họ không làm. Trách nhiệm này không ở nơi Phật. Họ không "*y giáo phụng hành*". Thậm chí, học Phật đã nhiều năm rồi nhưng Phật giáo là gì cũng không hiểu. Quy y rất nhiều năm rồi nhưng quy y là gì cũng không hiểu. Điều đó cũng khó trách.

Hôm nay, chúng ta có một quyển sách nhỏ do một vị đồng tu ở đây phát tâm in tặng quý vị là "NHẬN THỨC PHẬT GIÁO". Quyển sách nhỏ này tôi giảng vào năm 1991 tại Miami, tiểu bang Florida, Mỹ Quốc. Có một số vị đồng tu ở Đài Bắc đem chỉnh lại, in thành quyển sách nhỏ này. Quyển sách này có thể giúp các vị đồng tu hiểu rõ Phật giáo là gì? Chúng ta học Phật rồi, người khác hỏi chúng ta: "Phật giáo là gì?" mà trả lời không được thì rất khó coi. Chúng ta phải nói được rõ ràng, tường tận. Người học Phật chúng ta không mê tín, cho nên nhất định phải biết "dung thông" thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Trong Tịnh Tông, vị Đạo Sư mà chúng ta tôn sùng là A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát. A-di-đà Phật là đại biểu cho "chân thật chi tế, chân như bản tánh", đây là **Phật Bảo** trong Tam Bảo. "Trụ chân thật huệ" là **Pháp Bảo**. Quán Âm đại biểu cho từ bi, Đại Thế Chí Bồ-tát đại biểu cho trí huệ. Từ bi là **Tăng Bảo**. Từ trên pháp mà nói, "Pháp" của hai vị Bồ-tát này là thuộc về **Pháp Bảo**, còn người hai vị Bồ-tát này tức là **Tăng Bảo**. Chúng ta cúng dường Tây Phương Tam Thánh là đầy đủ Tam Bảo rồi. Đây tức là tự tánh Tam Bảo của chúng ta, là toàn thể đức dụng của chúng ta, cũng chính là nơi quy y chân chánh của chúng ta. Tôi xin giới thiệu đơn giản với quý vị đến đây.

Sau đây chúng ta bắt đầu xem từ đề kinh. Đề kinh của bộ kinh này là:

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh

Chúng ta có thể chia đề kinh này làm tám đoạn nhỏ để giới thiệu. Đề là cương lĩnh của toàn bộ kinh. Đã hiểu rõ đề kinh thì đại ý của toàn bộ kinh cũng có thể hiểu được một cách đại khái.

"*Kinh*" chúng ta biết đều do Phật thuyết. Vì sao trong một số kinh có hai chữ "*Phật thuyết*" còn một số kinh khác lại không có? Ví dụ như quyển mà quý vị rất quen thuộc là Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa phía trước không có hai chữ

"Phật Thuyết". Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm phía trước cũng không có hai chữ "Phật Thuyết". Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phía trước cũng không có "Phật thuyết". Quyển kinh này của chúng ta có chữ "Phật thuyết", quyển tiểu bổn Di-đà Kinh cũng có "Phật thuyết". Điều này do cổ nhân lúc dịch kinh, khi định về đề mục phải có một quy củ. Phàm là kinh văn của phần Chánh Tông, câu thứ nhất do Phật tự nói thì loại kinh điển này phía trước đều thêm vào hai chữ "Phật thuyết". Nếu phần Chánh Tông là do đệ tử Phật hỏi sau đó Phật mới giải thích thì câu đầu tiên không phải Phật nói, thì không dùng hai chữ "Phật thuyết". Đây là quy củ khi lập đề kinh của các Pháp Sư dịch kinh.

"*Phật*" là dịch âm tiếng Phạn của Ấn Độ, ý nghĩa của nó là GIÁC, là giác ngộ, Phật nghĩa là Giác Ngộ. Trong đó bao hàm **tự giác**, tự mình giác ngộ, đã giác ngộ triệt để rồi, hiểu minh bạch triệt để chân tướng của vũ trụ nhân sinh rồi thì đó là tự giác. Đồng thời lại có thể giúp người khác giác ngộ gọi là **giác tha**. Giúp người khác giác ngộ cho đến rốt ráo viên mãn mới có thể xưng là Phật. Bởi vì Tiểu Thừa A-la-hán, Bích-chi-Phật cũng giác ngộ rồi. Họ cũng hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nhưng họ không chịu chỉ dạy người khác, giáo hóa chúng sanh rất khó. Bạn xem Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện không phải đã nói rõ rồi sao: "*Chúng sanh Diêm phù đề cang cường khó giáo hóa*". Bạn có lòng tốt giúp đỡ họ, họ vẫn không chấp nhận, thậm chí ngược lại còn gây rắc rối cho bạn. Cho nên người Tiểu Thừa không mấy vui lòng đi giúp đỡ người khác. Bạn đến cầu họ thì họ giúp đỡ bạn, bạn không cầu họ thì họ tuyệt đối không tự tìm phiền phức. Đây là Thánh giả Tiểu Thừa.

Đại Thừa Bồ-tát thì không sợ phiền phức, cho nên họ có thể chủ động đi giúp đỡ tất cả chúng sanh, điều này thật vô cùng hiếm có, "**Tự giác, giác tha**". Tuy nhiên, Bồ-tát chưa đạt đến chỗ viên mãn. Gọi là viên mãn tức là phải đoạn hết tất cả kiến tư, trần sa, vô minh phiền não. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Hay nói cách khác, họ vẫn chưa viên mãn. Như Văn-thù Phổ Hiền vì sao cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không có gì khác chính là để đoạn một phẩm sau cùng là "sanh tướng vô minh". Điều này đã nói rõ, muốn đoạn ba loại phiền não này thì thế giới Tây Phương Cực Lạc là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất. Ở thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ-lô-giá-na nếu đoạn được phiền não dễ dàng thì Ngài Văn-thù, Phổ Hiền lại hà tất cầu sanh Tịnh Độ? Nhất định là Tây Phương Tịnh Độ dễ dàng hơn thế giới Hoa Tạng thì họ mới đi, như vậy thì mới nói được thông. Điều này đã hiển bày rõ ràng thế giới Tây Phương quả thật là thù thắng không gì sánh bằng.

Như vậy thì chữ "Phật" ở đây là chỉ Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Kinh này thêm hai chữ "Phật Thuyết", tức là Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Nhưng bộ kinh này rất đặc biệt, Tịnh Độ Tam Kinh rất đặc biệt, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phật Thuyết A-di-đà Kinh, phía trước của Tịnh Độ Tam Kinh đều có hai chữ "Phật Thuyết", mà vị Phật này không những là Thích-ca Mâu-ni Phật mà có thể nói là bao hàm mười phương ba đời tất cả chư Phật. Vì sao vậy? Vì tất cả chư Phật không có vị Phật nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ, không có vị Phật nào không giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Những loại kinh khác không nhất định phải giảng, phải xem thời cơ, không khế cơ thì Phật sẽ không nói. Ba bộ kinh này là "tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu". Cho nên tất cả chư Phật đều giảng. Vì thế nên phía trước đề Kinh có chữ "Phật thuyết", đặc biệt chỉ có ba bộ kinh này. Chữ "Phật" đây bao gồm tất cả chư Phật, đây là điều chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, bạn mới biết được nó không giống với những kinh điển khác.

Chữ "*Thuyết*" này, ngày xưa nghĩa là "*hỷ duyệt*", vui mừng mới nói. Người với người gặp nhau rất vui mừng thì sẽ nói nhiều, nếu không vui thì một câu cũng không nói, vui vẻ mới nói. Cổ Đức giải thích chữ này là "*duyệt sở hoài dã*", trong lòng Phật thường nghĩ, thường niệm, đến nay vừa gặp được cơ hội thì Ngài rất hoan hỷ vì chúng ta mà nói ra. Tâm sự của Phật là gì? Phàm phu đều có tâm sự, Phật cũng có tâm sự. Tâm sự của Phật khác với phàm phu. Tâm sự của Phật là **độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui, giúp đỡ chúng sanh liễu thoát sanh tử ra khỏi tam giới, giúp đỡ chúng sanh mau chóng thành Phật**. Đây là tâm sự của chư Phật Như Lai, ngoài những điều này ra thì Phật không có tâm sự gì khác. Hôm nay, nhìn thấy căn cơ của chúng sanh đã chín muồi rồi, bạn nghĩ xem, Ngài vui mừng biết mấy, vui mừng không gì sánh bằng. Không phải là cơ duyên thông thường mà cơ duyên thành Phật đã chín muồi, cũng tức là có thể đem phương pháp thành Phật này, Kinh điển này truyền thọ cho bạn rồi. Bạn đạt được thì đời này bạn sẽ làm Phật. Điều này thật không thể nghĩ bàn.

Trong kinh luận Đại Thừa, Phật thường nói với chúng ta: "Phàm phu muốn tu hành thành Phật phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp". Thời gian phải dài như vậy, nhưng bạn gặp được pháp môn này thì chỉ vài ngày công phu là đã đủ rồi, đâu cần thời gian dài như thế. Trong kinh Di-đà không phải đã nói: "*Hoặc một ngày, hoặc đến bảy ngày*" là thành công sao? Nói cách khác, trong đời này bạn nhất định thành tựu. Thử hỏi Phật gặp được một người như vậy thì sự vui mừng của Ngài quả thật chúng ta không thể nào hình dung ra được. Trong đời này có

thể tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ thì bạn sẽ có được lợi ích cứu cánh viên mãn. Ngẫu Ích Đại Sư trong Yếu Giải có nói: "*Phật lấy việc độ sanh làm bổn hoài, cơ duyên thành Phật của chúng sanh nay đã chín muồi*", câu nói này quả thật trước đây chưa ai từng nói qua. Quả thật câu nói này của Ngẫu Ích Đại Sư đã nói đúng tâm khảm của Phật, thật là hiếm có! Vì nói cái pháp khó tin, pháp này A-la-hán, Bích-chi-Phật, Quyền Giáo Bồ-tát cũng đều khó tin, pháp khó tin mà vì sao bạn lại tin được? Vì cơ hội thành Phật trong đời này của bạn đã chín muồi rồi, hiện nay chín muồi rồi, cho nên bạn tin, bạn có thể tiếp nhận. Phật quả thật có thể giúp chúng ta trong một kiếp ngắn ngủi này được giải thoát rốt ráo. Cho nên, Ngài hoan hỷ vui vẻ vì chúng ta mà nói pháp môn này. **"Thuyết" là ý nghĩa như vậy**.

Tiểu tiết thứ ba là "*Đại Thừa*", "*Đại Thừa*" là tỉ dụ. Chữ "*Thừa*" này thời xưa đọc là "thặng", hiện nay mọi người chúng ta đều đọc là "thừa", chúng tôi cũng đọc theo là thừa. Đọc theo âm thời xưa thì không ai hiểu, khiến người nghe cảm thấy kỳ quái, cảm thấy không tự nhiên, phải không? Cho nên mọi người đều sai, chúng tôi cũng theo họ sai luôn, nhưng ý nghĩa không sai là được rồi. Thật tình mà nói, công cụ vận chuyển chính là xe. Xe có xe lớn, xe nhỏ: xe nhỏ thời xưa là xe dê - xe do dê kéo, xe hươu - xe do hươu kéo. Dê và hươu đều không lớn, cho nên chiếc xe kéo chỉ một người ngồi. Còn xe lớn là xe gì? Xe ngựa - xe ngựa thì lớn có thể ngồi được rất nhiều người. Trong kinh thường nói xe trâu trắng lớn là hình dung xe lớn. Kỳ thật, xe trâu trắng lớn chính là xe ngựa. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, xe nhỏ cũng có thể chở được bốn, năm người, còn xe lớn như xe lửa có thể chở được vài trăm người. Điều này người thời xưa không thể tưởng tượng được. Cho nên hai chữ "Đại Thừa" này nghĩa là phổ độ chúng sanh, lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tiểu Thừa là lợi ích cho riêng mình. Trong bộ kinh này có nói đến "*năng niệm chi tâm*" (tâm có thể niệm Phật), đó là dạy chúng ta niệm Phật. "*Cái tâm năng niệm vốn dĩ là Phật*, *tâm tức là Phật, Phật tức là tâm*, *năng thừa là đại*. *Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật*, *sở thừa cũng là đại*". "Năng, sở" đều đại cả, đúng thật là Đại Thừa. Cổ Đức nói pháp môn này là: "*Đại thừa trong đại thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, đệ nhất liễu nghĩa trong các kinh liễu nghĩa*", tán thán bộ kinh này đến chỗ cùng cực.

Tiếp theo là "*Vô Lượng Thọ*", "*Vô Lượng Thọ*" là tánh đức, là đức năng vốn sẵn có trong chân tâm tự tánh của chúng ta. Phạn ngữ gọi "A-di-đà", ba chữ "A-di-đà" này là Phạn âm, là mật ngữ, cũng giống như chú vậy, chứa vô lượng nghĩa. Nếu chúng ta từ trên mặt chữ mà nhìn thì chữ "A" nghĩa là Vô, "Di-đà" nghĩa là Lượng - Vô Lượng, đức năng của tự tánh vô lượng, vô biên. Trong kinh điển,

trong vô lượng nghĩa, Phật chỉ nói cho chúng ta hai nghĩa: Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Quý vị phải hiểu rằng Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ chỉ là hai ý nghĩa trong vô lượng nghĩa. Tuy nhiên, hai nghĩa này rất thù thắng. Bởi vì thọ mạng có thể đại biểu cho thời gian là quá khứ hiện tại vị lai. Quang minh chiếu khắp có thể đại biểu cho không gian. Như vậy một nghĩa đại biểu cho thời gian, một nghĩa đại biểu cho không gian, trong "thời không" bao gồm tất cả vô lượng, không sót một cái nào, hai nghĩa này rất hay.

Quý vị phải hiểu rằng hàm nghĩa trong hai chữ "*vô lượng*" vô cùng rộng lớn. Ví như chúng ta nói: Trí huệ vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng, mọi thứ vô lượng, tất cả vô lượng đều nằm trong ý nghĩa của ba chữ A-di-đà này. Tuy nhiên, người xưa lại nói trong tất cả vô lượng thì thọ mạng là đệ nhất nghĩa, lời này nói cũng rất có đạo lý. Vì sao? Vì nếu không có thọ mạng thì tất cả vô lượng cũng chỉ là trống không. Thí dụ như người đời nay rất thực tế: Bạn có vô lượng bảo vật, vô lượng tiền của mà không có thọ mạng, như vậy tất cả tiền bạc của bạn đều bị người khác hưởng hết, bạn không thể có được. Nhất định chính mình phải có thọ mạng thì mới có được tất cả. Cho nên, trong tất cả "vô lượng", **thọ mạng là nghĩa thứ nhất**. Câu nói này cũng rất có đạo lý, rất hay. Như vậy, đây là đức hiệu của vị đạo sư ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng nói rõ Phật A-di-đà khi còn ở nhân địa, cũng chính là lúc ngài chưa thành Phật, giống như tình trạng của chúng ta hiện nay, khi mới phát tâm học Phật. Từ nơi kinh điển chúng ta có thể đọc thấy đại nguyện đại hạnh của Pháp Tạng Tỳ-kheo lúc còn ở nhân địa mãi đến khi Ngài tu hành thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài dùng đủ loại phương tiện thiện xảo để trang nghiêm Tịnh Độ, tiếp dẫn tất cả chúng sanh trong pháp giới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để tu hành chứng quả. Nói cách khác, Ngài cung cấp cho chúng ta một hoàn cảnh tu học thù thắng nhất, viên mãn nhất, khiến chúng ta đến đó để thành tựu. Đây cũng chính là những gì được nói trong bộ kinh này.

"*Trang nghiêm*" tức là "tốt đẹp" mà ngày nay chúng ta thường nói. Phật Pháp gọi là trang nghiêm. Trong kinh nói: "*Nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*". Có thể nói từ lúc A-di-đà Phật mới phát tâm mãi đến lúc thành Phật, Ngài nhất tâm nhất ý để xây dựng đạo tràng thế giới Tây Phương Cực Lạc này, xây dựng hoàn cảnh tu học tốt đẹp này để cung ứng cho tất cả chúng sanh đến tu hành. Đây tức là "*nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*". Chúng ta cũng có thể cảm giác được đạo tràng Cư Sĩ Lâm nơi này, trên từ các vị trong hội đồng quản trị dưới đến tất cả đạo hữu, mỗi lần tôi đến Singapore tham học, những gì

tôi thấy được, cảm nhận được là mọi người cũng đang "nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ". Chúng tôi mỗi lần đến đây nhìn thấy hoàn cảnh đều có khác. Điểm này cũng tương tự, cũng giống với nhân địa của Phật A-di-đà, cung cấp cho quý vị đồng tu đến nơi này để tham học, khiến chúng ta có một hoàn cảnh vô cùng tốt đẹp để ở tại nơi đây nghe kinh, ở tại nơi đây niệm Phật, ở tại nơi đây cộng tu.

Trong kinh lại nói: "*Trang nghiêm chúng hạnh*", điều này chúng ta phải chăm chỉ nỗ lực để làm. Câu nói này nghĩa là gì? Chúng ta y theo những lý luận và lời dạy nói trong kinh điển để làm tiêu chuẩn, **phải thật sự y giáo phụng hành. Trong kinh điển, Phật dạy chúng ta những gì không được làm, không nên làm thì chúng ta quyết không làm, những việc gì là công đức chân thật thì chúng ta nên cố gắng để làm, chúng ta nên hết lòng để làm.** "*Đoạn ác tu thiện*", đây tức là trang nghiêm chúng hạnh. "Hạnh" là hành vi, khiến hành vi và tánh đức của chúng ta đều có thể tương ưng. Cần phải có nhận thức rất sâu về tu học tánh đức; huệ giải, trí huệ, hiểu rõ tất cả chân tướng của sự thật, sau đó bạn tự nhiên sẽ vô cùng hoan hỷ để làm.

Phật nói với chúng ta, gốc rễ đại ác của chúng ta là gì? Tham Sân Si, ba thứ độc phiền não, là tam độc đấy! Cho nên, trước tiên Phật dạy chúng ta phải nhổ bỏ ba thứ độc phiền não này, phải nhổ trừ thì chúng ta mới là người khỏe mạnh, mới là người tốt. Người tốt, người khỏe mạnh thì không có bệnh. Nếu có ba độc này thì người sẽ không khỏe mạnh, có độc trong người, chất độc sẽ bộc phát, bộc phát thì thành bệnh. Cho nên vô lượng, vô biên bệnh tật từ đâu đến? Là từ tam độc phiền não phát khởi, cho nên khi ba thứ độc bị nhổ trừ thì bệnh của bạn liền khỏi, từ nay về sau sẽ không bao giờ sinh bệnh nữa. Gốc bệnh chính là tam độc Tham Sân Si. Cho nên Phật dạy chúng ta:

- ✓ Dùng bố thí để nhổ trừ độc tham.
- ✓ Dùng nhẫn nhục để nhổ trừ độc sân hận.
- ✓ Dùng trí huệ để nhổ trừ độc si.

Cho nên Lục độ của Bồ-tát là đối trị tam độc phiền não. Bởi thế Phật dạy chúng ta phải bố thí. Bạn xem, trong Bồ-tát hạnh, điều thứ nhất là dạy chúng ta phải bố thí, công đức lợi ích của bố thí là vô lượng vô biên. Bố thí tài thì được giàu có, bố thí pháp thì được thông minh trí huệ, bố thí vô úy thì được khỏe mạnh trường thọ. **Chúng ta in kinh bố thí, hiện nay có thể làm các loại băng ghi âm,**

băng ghi hình để bố thí là hội đủ ba loại bố thí. Bạn xem, in kinh, làm băng phải dùng tiền, tiền là tài bố thí. Nội dung bên trong là Phật pháp, là pháp bố thí. Sau khi mọi người nghe xong thì tâm khai ý giải, không còn lo âu, sợ hãi đây là vô úy bố thí. "Nhất cử tam đắc" (làm một được cả ba), ai biết làm việc này? Người thông minh biết làm. Tôi biết được đạo lý này lúc tôi mới bắt đầu học Phật, thầy tôi đã dạy cho tôi. Tôi hiểu rõ rồi, tôi vô cùng ưa thích tu học pháp môn này. Cho nên quý vị cúng dường cho tôi, tôi lấy hết đi in kinh bố thí. Hôm nay, trong đạo tràng quý vị dùng quyển kinh này, quyển kinh được in rất đẹp. Bản gốc là do Singapore làm, bên Đài Loan cũng có in, do đồng tu ở đó phát tâm in. Quyển này giá thành in tại Đài Loan khoảng một đồng đô-la Mỹ. Bạn xem, in mười ngàn cuốn, kết pháp duyên với mười ngàn người thì trong tâm vui mừng biết bao! Hơn nữa là pháp duyên thù thắng nhất, "*chân thật trang nghiêm, trang nghiêm chúng hạnh*". Đây là chúng tôi lấy một thí dụ để giải thích rõ ràng.

Trong kinh lại nói: "*Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh* (Con đã thành tựu việc trang nghiêm cõi Phật và các hạnh thanh tịnh*)*", đây là nói rõ, Phật A-di-đà tu nhân chứng quả. Sau khi thành Phật Ngài vẫn không quên trang nghiêm Phật độ, vẫn không quên các hạnh thanh tịnh, cung cấp một đạo tràng tốt như vậy để thành tựu mọi người. Trong đề kinh này, "*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*" đều thuộc về tánh đức, trong tự tánh chúng ta vốn sẵn đầy đủ. Như Lục Tổ Đại Sư sau khi khai ngộ, Ngài đã nói như vầy: "*Hà kỳ tự tánh, bổn lai cụ túc*" (nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ). "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm" đều là "bổn lai cụ túc" (vốn sẵn đầy đủ). Thế nhưng hiện nay chúng ta đã mê mất tánh đức, không thể hiện tiền. Cho nên, nhất định phải có tu đức thì mới có thể hiển lộ tánh đức, cũng tức là nói tu hành đối với chúng ta là vô cùng quan trọng. Tu gì đây? Cách tu như thế nào? Phải sửa đổi hết tất cả lỗi lầm, tập khí trái ngược với tánh đức của chúng ta thì tánh đức của chúng ta sẽ tự nhiên hiển bày.

Trên đề kinh "*Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác*", ba câu này là dạy chúng ta tổng cương lĩnh của sự tu học.

1. Trước tiên nói "*Thanh Tịnh*", ba nghiệp thân khẩu ý của chúng ta, "nghiệp" là tạo tác, những điều tạo tác không thanh tịnh của chúng ta. Điều thứ nhất là tâm lý chúng ta không thanh tịnh, trong tâm có vọng tưởng, vọng tưởng là mê hoặc. Người giác ngộ không có vọng tưởng, người mê hoặc mới có vọng tưởng. Vọng tưởng là hình dáng của mê, là tướng trạng của mê. Phiền não, phiền

não càng là ô nhiễm nghiêm trọng hơn. Tham dục, sân khuể, ngu si, cống cao ngã mạn những thứ này làm ô nhiễm nghiêm trọng tâm thanh tịnh của chúng ta. Đây chính là chỗ khác nhau giữa phàm phu với Phật. Tâm của Phật Bồ-tát là thanh tịnh. Tâm của phàm phu là ô nhiễm. Chúng ta làm cách nào đem tất cả ô nhiễm của tâm địa, nói theo người thời nay là ô nhiễm của tinh thần, ô nhiễm của tư tưởng, ô nhiễm của kiến giải, làm sao đem nó tẩy rửa cho thật sạch sẽ để khôi phục lại tâm thanh tịnh của mình? Đây là trọng tâm trong sự tu học Phật pháp. Bởi vì tâm thanh tịnh rồi thì thân và khẩu tự nhiên liền thanh tịnh, tâm là chủ tể.

Phật trong các kinh luận Đại Thừa thường nói, thường chỉ dạy chúng ta: "*Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*", câu nói này vô cùng quan trọng. Phật dạy chúng ta pháp môn này, pháp môn này nhanh chóng vững vàng thành Phật là căn cứ vào nguyên lý này: "*Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*". Vậy thì tại sao ta không tưởng Phật? Niệm Phật, tưởng Phật, "*Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*" là căn cứ vào đạo lý này. Phàm phu mê hoặc, điên đảo, không hiểu, mỗi ngày khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng thì là phàm phu. **Tưởng Phật thì thành Phật, tưởng Bồ-tát thì thành Bồ-tát. Ngày ngày đều nghĩ đến kiếm tiền thì biến thành ngạ quỷ, bởi vì quỷ tham tài**. Phật giảng cho chúng ta quỷ là tâm tham, địa ngục là tâm sân giận. Chớ có nên tức giận! Thường thường tức giận, ngày ngày tức giận là tạo nghiệp nhân của địa ngục, không tốt! Đó là nghĩ tưởng đến địa ngục. Nghĩ tưởng phát tài tức là muốn làm ngạ quỷ, không tốt đâu! Vậy thì tại sao không tưởng Phật?

Tưởng Phật thì đến thế giới Cực Lạc thành Phật rồi. Là căn cứ trên đạo lý "tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra". Tưởng Phật, tưởng Bồ-tát thì tâm thanh tịnh, sẽ tẩy rửa sạch hết những thứ ô nhiễm của chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay. Trong kinh này dạy chúng ta "*tẩy tâm dịch hạnh*" (rửa tâm đổi hạnh). Làm thế nào để "tẩy rửa tâm"? Niệm A-di-đà Phật, nghĩ tưởng A-di-đà Phật, ngoại trừ A-di-đà Phật, thế giới Tây Phương Cực Lạc ra, tất cả những thứ khác đều không nghĩ tưởng. Đây là lời nói thật. Người thời nay mê, mê đến trầm trọng, nhận giả không nhận thật. A-di-đà Phật là thật thì họ không tin. Giả là gì? Tiền bạc thì họ một mực tin tưởng. Đó là giả, không phải thật "sanh không đem đến, chết không mang đi", hơn nữa vì những thứ này mà ngày ngày sinh phiền não, đáng giận đến cực độ. Người thông minh đem vứt nó đi, tuyệt đối không nghĩ đến. Cho nên quý vị hãy tỉ mỉ mà tư duy, bình tĩnh để suy nghĩ thì bạn sẽ thông minh, bạn sẽ có trí huệ, bạn có thể nhìn thấu thế giới. Thế giới này cái gì là thật? Cái gì là giả? Chúng ta cần cái thật, không cần cái giả. Vậy thì nhất định không tạo tất cả ác nghiệp.

"*Tâm tịnh thì Phật độ tịnh*". Trong sinh hoạt hằng ngày, như chúng tôi đã nói ở phía trước, cá nhân một đời được vui vẻ hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, xã hội hài hòa, đều lấy tâm thanh tịnh làm cơ sở. Tâm người thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm chân thành.

2. Kế đến là "*Bình Đẳng*", trong kinh nói bình đẳng tức là chân như, bình đẳng tức là bất nhị pháp môn (pháp môn không hai). Nhị thì không bình đẳng, bất nhị là bình đẳng. Chúng ta xử sự đối người tiếp vật là ở trên những sự tướng này mà tu tâm bình đẳng, học hạnh bình đẳng. Cho nên chân chánh tu hành, chân chánh dụng công thì tu ở đâu? Có người nói phải vào tận trong núi, tìm một ngôi chùa, một đạo tràng để tu. Cho dù có được duyên phần này bạn cũng không hẳn có thể thành tựu. Chân chánh tu hành là ở ngay trong sinh hoạt, ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong cách xử sự đối người tiếp vật. Nếu bạn thật sự tu học Đại Thừa, thật sự tu học pháp môn Di-đà thì trong sinh hoạt của chính mình, trong cách xử sự đối người tiếp vật hãy tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Dùng phương pháp gì để tu? Dùng một câu danh hiệu này.

Khi tâm của chúng ta không thanh tịnh, không thanh tịnh là gì? Là tham sân si khởi lên, mê hoặc điên đảo khởi lên, vọng tưởng khởi lên liền mau niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật. Câu "A-di-đà Phật" này sẽ đánh tan vọng tưởng, cũng đánh tan ý niệm tham sân si. Danh hiệu A-di-đà Phật là phương thuốc thanh khiết, lập tức hóa giải những ô nhiễm trong tâm của chúng ta. Đây gọi là dụng công, không phải mỗi ngày niệm mười vạn (100.000) tiếng Phật hiệu mà tham sân si vẫn cứ nổi dậy, vậy thì không có tác dụng, mười vạn tiếng Phật hiệu đó là niệm uổng công. Người xưa nói: "*Hét bể cổ họng cũng uổng công*". Cách đó không có tác dụng. Khi Phật hiệu hữu dụng nhất chính là có thể hóa giải được vọng tưởng, phiền não. Người xưa thường nói: "*Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm*", chữ "Giác" này tức là lập tức đề khởi Phật hiệu liền có thể hóa giải phiền não. Đây gọi là dụng công, dụng công lâu ngày thì công phu sẽ đắc lực.

Công phu đắc lực có dáng vẻ thế nào? Là vọng tưởng ít, phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, nhìn việc nhìn người rõ ràng hơn trước kia, thông minh hơn trước kia, có trí huệ rồi. Đây là hiện tượng tốt, đây tức là công phu đắc lực. Tâm địa từng ngày, từng ngày thanh tịnh hơn, phiền não từng năm, từng năm ít đi, tự bạn sẽ cảm thấy rất vui vẻ, rất hạnh phúc. Đây là hiện tượng công phu đắc lực. Nếu chúng ta học Phật đã lâu rồi mà không đạt được điều này, phiền não vẫn còn nhiều, vọng tưởng vẫn còn nhiều, vậy thì sự tu hành của bạn đã có vấn đề, đó là

không như pháp, nhất định là phương pháp của bạn sai, lý luận sai. Cho nên, mặc dù bạn rất siêng năng tu học nhưng bạn không có thành tích, không đạt được hiệu quả. Bạn phải nghiêm túc kiểm thảo, phản tỉnh, sửa đổi. Nhất định phải đạt hiệu quả thật tốt.

Ví dụ ngày xưa tôi nhìn người không được bình đẳng, nhìn sự việc cũng thường bất bình, đây là phiền não, đây là sai lầm, bây giờ thì sao? Bây giờ nhìn thấy rất hài lòng, đều bình đẳng, không so đo như trước nữa. Đây chính là có tiến bộ. Có lẽ có người hỏi trước kia tôi rất sáng suốt, còn bây giờ có phải tôi hồ đồ rồi không? Tôi hiện nay ngay cả đúng sai, xanh đỏ, đen trắng đều không phân biệt nữa chẳng phải hồ đồ rồi sao? Vậy đúng là hồ đồ rồi! Công phu đắc lực không phải là hình dáng như thế, họ đều biết rõ ràng tường tận mà tâm địa thì bình lặng, cho nên tất cả thiện ác đúng sai đều sáng tỏ, thấu suốt, phân minh. Tâm này là bình đẳng, đây mới gọi là công phu. Trong này phải phân biệt rõ ràng, không thể đem hồ đồ cho là trí huệ, vậy thì sai rồi. Không thể xem hồ đồ là công phu đắc lực được, điều này không thể được.

3.“*Giác*” tức là giác mà không mê, trong tựa đề này Cổ Đức nói Bình Đẳng Giác có bốn ý nghĩa, bốn nghĩa này đều rất hay.

Nghĩa thứ nhất: Bình đẳng phổ giác tất cả chúng sanh. Nghĩa này rất hay, tức là pháp môn tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Quý vị thử nghĩ đây đích thực là thù thắng không gì sánh bằng. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa tuy nói thành Phật nhưng không bình đẳng. Hoa Nghiêm có ngũ giáo “Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên”. Pháp Hoa là tứ giáo của Tông Thiên Thai: Tạng, Thông, Biệt, Viên, không bình đẳng. Còn Pháp môn này của chúng ta là bình đẳng thành Phật. Trên từ Đẳng Giác Bồ-tát dưới đến chúng sanh trong địa ngục đều bình đẳng được độ, bình đẳng thành Phật. Đây thật là pháp khó tin, sự khó tin này cũng không phải giả, vì sao có thể bình đẳng? Trong đây có đại đạo lý. Tôi hy vọng trong vòng ba mươi ngày này, quý vị để tâm kỹ lưỡng để nghe bộ Kinh này, lắng lòng để lĩnh hội, lời giải đáp đều nằm trong phần Kinh văn, thật là tuyệt diệu không thể diễn tả được.

Nghĩa thứ hai: Là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ chúng sanh. Pháp bình đẳng này tức là chỉ bộ Kinh điển này, là chỉ sáu chữ hồng danh (Nam mô A-di-đà Phật). Đích thật chúng ta thật đã minh bạch, hiểu rõ đại ý trong bộ Kinh này, thật sự tin rồi, thật sự phát nguyện rồi, ngay lúc này sẽ được mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Cho nên Pháp môn này có thể bình đẳng giác ngộ tất cả

chúng sanh, sức mạnh lớn lao này bất kỳ Kinh luận nào cũng không thể sánh bằng.

Nghĩa thứ ba: Bình Đẳng Giác là chỉ Chánh Giác của Như Lai. Trong Kinh thường nói: "Trên quả địa của Như Lai, chỗ chứng đắc là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", mà Bình Đẳng Giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì đến chỗ này mới thật là hoàn toàn bình đẳng, Bồ-tát tuy đều là Đẳng Giác Bồ-tát, nói một cách nghiêm khắc Đẳng Giác Bồ-tát vẫn chưa bình đẳng, nhất định phải đến lúc thành Phật thì mới thật sự đạt đến bình đẳng, rốt ráo viên mãn.

Nghĩa thứ tư: Bình Đẳng Giác cũng tức là biệt hiệu của Phật A-di-đà, điều này trong Kinh có nói. Đức Thế Tôn vì A-nan mà giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật hỏi ngài rằng: "Ông có muốn thấy Bình Đẳng Giác không?" Bình Đẳng Giác là chỉ Phật A-di-đà, cho nên mới có bốn ý nghĩa như vậy.

"*Thanh tịnh*", chúng ta lại đem ba câu của việc tu đức hợp lại và đặt vào trong Tam Bảo mà xem. **Thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo.** Cho nên trong đó đã đầy đủ tự tánh Tam Bảo, đồng thời cũng là Giới Định Huệ tam học: **Thanh tịnh là giới học,** giới là thanh tịnh, giới là thanh lương. **Bình đẳng là định học, giác là huệ học**. Cho thấy danh xưng này hội đủ viên mãn tam học, cũng là tự tánh Tam Bảo. Sự tu học Tịnh Độ của chúng ta lấy điều này làm yếu lĩnh tối cao. Cho nên nếu có người hỏi chúng ta, chúng ta tu Tịnh Độ là cầu điều gì? **Chúng tôi cầu Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm**, không cầu gì khác. Vậy bạn tu những gì? **Chúng tôi tu Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác**. Bạn dùng phương pháp gì để tu? **Chúng tôi dùng tín, nguyện, trì danh**. Điều này rõ ràng minh bạch, không mê hoặc chút nào. Vô lượng thọ trang nghiêm là quả báo, là điều chúng ta cầu. Làm thế nào mới cầu được? Nhất định phải tu thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng phương pháp gì? Dùng tín nguyện trì danh. Cho nên trong tín nguyện trì danh đã đầy đủ cả tam học, Tam Bảo. Tam học, Tam Bảo như chúng ta đã biết là bao gồm toàn bộ Phật Pháp, không chỉ là tất cả pháp mà Đức Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong bốn mươi chín năm, thậm chí pháp mà mười phương ba đời tất cả chư Phật tuyên thuyết đều được bao gồm trong đó. Một câu A-di-đà Phật đều bao gồm đủ hết tất cả. Cho nên công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn. Thật sự là không thể nghĩ bàn!

Chữ tiếp theo, "*Kinh*" là thông đề, phàm là Phật nói ra đều gọi là Kinh. Chữ này cũng bao hàm rất nhiều nghĩa. Chúng tôi cũng thường giới thiệu nên không

cần nói nhiều nữa. Thông thường nhất là dùng bốn chữ "Quán, nhiếp, thường, pháp" để giải thích.

1. "**Quán**" là xuyên suốt đạo lý đã được nói, dùng cách nói hiện nay tức là Phật giảng Kinh rất có thứ lớp, có mạch lạc, rành mạch rõ ràng không loạn. Đây là những lời nói hay, văn chương hay.

2. "**Nhiếp**" là có thể nhiếp trì tất cả chúng sanh. Dùng cách nói hiện nay là lời dạy của Phật, ngày nay chúng ta nói kinh luận của Phật có sức nhiếp thọ, khiến chúng ta sau khi tiếp xúc muốn thôi cũng không được. Giống như nam châm có thể hút sắt. Nó có một sức mạnh lớn như vậy, điều này cũng rất rõ ràng. Ví dụ chúng ta đọc văn tự của thế gian, thông thường là báo chí. Mọi người hằng ngày đều xem báo, xem qua một lần bạn có muốn xem tiếp lần thứ hai hay không? Không muốn xem lần thứ hai nữa. Vì sao? Vì không có sức thu hút. Một cuốn tiểu thuyết hay, lời văn hay, xem qua một lần vẫn muốn xem lại một lần nữa, thậm chí vẫn muốn xem thêm lần nữa. Tuy nhiên, xem đến tám lần, mười lần thì cả đời bạn không muốn xem lại nữa. Đây là do sức thu hút của nó rất có hạn. Nhưng Kinh Phật lại khác, như bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chúng ta đọc từ lúc mới phát tâm, đọc mãi cho đến khi thành Phật thì mùi vị đó vẫn còn nồng, vĩnh viễn không cùng tận. Đây chính vì sức thu hút của nó quá lớn. Tôi đã giảng bộ Kinh này rất nhiều lần, giảng hoài mà không chán, càng giảng càng thấy hoan hỷ, càng đọc lại càng thấy có mùi vị, vĩnh viễn đọc không chán.

Khi tôi còn nhỏ, thời gian còn đi học ở trường, tôi rất thích xem tiểu thuyết. Bốn quyển tiểu thuyết lớn nổi tiếng của Trung Quốc là Hồng Lâu Mộng, Thủy Hử, Tây Du Ký và Tam Quốc Chí, đại khái tôi đều đọc qua hết mười mấy lần. Còn bây giờ, nếu bày ra trước mặt tôi, tôi nhìn cũng không muốn nhìn nữa, sức mạnh của nó chẳng qua chỉ mười mấy lần mà thôi, so sánh với Kinh Phật thì kém rất xa. Đó là sức mạnh nhiếp thọ.

3. Nghĩa thứ ba là "**Thường**", thường nghĩa là xưa nay bất di bất dịch, người thế gian chúng ta gọi là chân lý. Nó là chân lý vĩnh hằng, không thay đổi.

4. Nghĩa thứ tư là "**Pháp**", Pháp là pháp tắc. Quá khứ hiện tại vị lai muốn trong đời này liễu sanh tử xuất tam giới, viên mãn thành Phật, tuân thủ phương pháp này thì nhất định không sai.

Hội đủ bốn ý nghĩa này mới có thể gọi là Kinh, đây là một chữ được người Trung Quốc vô cùng tôn trọng đối với các điển tịch (sách vở ghi luật lệ, phép tắc).

Như vậy trong bộ Kinh này nếu muốn phối hợp ba thứ "Giác" để nói thì cũng đầy đủ: Vô Lượng Thọ là bổn giác, "*phát Bồ-đề tâm nhất hướng chuyên niệm*" là thủy giác. Thủy giác hợp với bổn giác, mãi cho đến viên mãn cứu cánh giác, tức là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác trong đề Kinh. Bởi vì Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của chư Phật Như Lai. Cũng có thể nói Bình Đẳng Giác là bổn giác, Trang Nghiêm là thủy giác. Chứng đắc Vô Lượng Thọ tức là bình đẳng giác, là chúng ta tu nhân, Vô Lượng Thọ là quả đức của chúng ta, diệu nghĩa bên trong thật vô cùng tận. Quý vị đọc đi đọc lại nhiều lần đề Kinh này dần dần quý vị sẽ lĩnh hội được. Sau đó quý vị mới thật sự hiểu rõ sức thu hút của bộ Kinh này. Thật tình mà nói, tất cả Kinh khác đều không thể sánh bằng.

Kinh văn tổng cộng có bốn mươi tám phẩm, không dài. Phần tựa có ba phẩm, phần chánh tông có ba mươi chín phẩm, sáu phẩm sau cùng là phần lưu thông. Văn tự không quá dài nhưng kết cấu của nó đích thực là cách kết cấu của một bộ đại Kinh. Cách kết cấu giống những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, nhưng Kinh văn so với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì ngắn hơn rất nhiều, rất thích hợp cho người đời nay đọc tụng, thọ trì.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!